

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 12-01-2023

V/v T/c hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Bảo Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Chí Hiên

2. Bà Lê Thị Duyên

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Phương Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:** Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1948, có mặt

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th: Ông Kim Chan Đa R là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau, có mặt

**2. Bị đơn:** Ông Diệp Hồng T, vắng mặt

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Bà Trương Thị N (vợ ông T), vắng mặt

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**3.2.** Bà Trương Thị X (vợ ông Th), vắng mặt

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu Th và ông Kim Chan Đa R trình bày:

Vào năm 2019, ông Th có cho ông T vay số tiền 50 triệu đồng, ông T đóng lãi đầy đủ mỗi tháng 336.329 đồng. Đến ngày 12/12/2021 (dương lịch), ông T không thực hiện việc đóng lãi nữa nên ông Th yêu cầu ông T làm giấy biên nhận cho ông Th. Ông T là người trực tiếp viết biên nhận. Việc ông T viết biên nhận và nhận tiền không có mặt bà N.

Số tiền này là do ông Th vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình nên tiền lãi các bên thỏa thuận là bằng với mức thu lãi của Ngân hàng, mỗi tháng là 336.329 đồng.

Từ ngày 12/12/2021 đến nay, ông T không thanh toán vốn và lãi cho ông Th.

Nay ông Th yêu cầu ông T thanh toán cho vợ chồng ông số tiền vốn vay là 50 triệu đồng và tiền lãi từ ngày 12/12/2021 đến nay là 4.372.277 đồng. Tổng cộng là 54.372.277 đồng.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2022, ông Diệp Hồng T trình bày:

Ông T xác định có vay của ông Th 50 triệu đồng, số tiền này là ông Th vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thới Bình. Biên nhận nhận tiền ông Th cung cấp cho Tòa án là đúng nội dung và chữ ký của ông.

Sau khi vay ông có đóng lãi nhưng không nhớ đã đóng bao Nêu. Đến khi dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp thì do điều kiện khó khăn nên ông không tiếp tục đóng lãi nữa cho đến nay.

Ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông Th mà chỉ trả cho Ngân hàng và trả khi đến hạn. Mục đích vay tiền là để chi xài cho bản thân ông, không liên quan đến gia đình, vợ con.

Tại thời điểm vay tiền cho đến nay thì ông và vợ là bà Trương Thị N vẫn còn chung sống với nhau.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022, bà Trương Thị N trình bày:

Bà là vợ ông T. Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2001 cho đến nay. Việc ông T vay tiền của ông Th bà không biết, không có liên quan. Bà không biết mục đích ông T vay tiền để làm gì.

Bà không thống nhất cùng với ông T thanh toán số tiền này cho ông Th vì việc vay tiền ông T, ông Th không bàn bạc với bà, không cho bà biết.

\* Tại phiên tòa, Luật sư Kim Cha Đa R đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Th, buộc ông T thanh toán cho ông Th và bà X tổng số tiền là 54.372.277 đồng.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T thanh toán cho ông Th, bà X số tiền vốn vay là 50 triệu đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 336.329 đồng/tháng từ ngày 12/12/2021 cho đến nay. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Hữu Th khởi kiện yêu cầu ông Diệp Hồng T thanh toán tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông T có địa chỉ tại Khóm 2, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông T, bà N, bà X được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện vào ngày 12/12/2021 (dương lịch), ông T có vay của ông Th số tiền 50 triệu đồng thể hiện tại Biên nhận do ông T tự viết và ký tên. Ông T thừa nhận việc vay tiền của ông Th. Do đó, xác định việc ông T có vay tiền của ông Th là có thật và hợp pháp.

[4] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2022, ông T thừa nhận số tiền vốn vay 50 triệu đồng hiện tại ông chưa thanh toán. Tuy nhiên, ông không thống nhất thanh toán cho ông Th số tiền này mà ông yêu cầu được thanh toán cho Ngân hàng. Xét thấy, ông Th là người trực tiếp vay tiền của Ngân hàng, sau đó, cho ông T vay lại.

Ông T tự viết biên nhận và ký tên. Do đó, cần buộc ông T thanh toán cho vợ chồng ông Th số tiền vốn vay là 50 triệu đồng.

[5] Đối với lãi suất: Ông Th yêu cầu ông T thanh toán tiền lãi với mức lãi suất là 336.329 đồng/tháng tức là 4.035.948 đồng/năm, tương ứng với 8,07%/năm. Ông Th xác định từ ngày 12/12/2021 đến nay ông T không có thanh toán khoản tiền nào cho ông, còn thời gian trước đó có thanh toán lãi đầy đủ. Ông T thì cho rằng có thanh toán một phần tiền lãi cho ông Th nhưng không xác định được thời gian và số tiền là bao nhiêu. Xét thấy, ông T không có gì chứng minh việc đã thanh toán một phần tiền lãi từ ngày 12/12/2021 đến nay cho ông Th, ông Th không thừa nhận vấn đề này nên không có cơ sở chấp nhận trình bày của ông T.

Xét mức lãi ông Th yêu cầu ông T thanh toán là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Từ ngày 12/12/2021 đến ngày xét xử (ngày 12/01/2023) là 01 năm 01 tháng, tương ứng với số tiền là 4.372.277 đồng.

Như vậy, cần buộc ông T thanh toán cho vợ chồng ông Th, bà X số tiền lãi là 4.372.277 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi ông T phải thanh toán cho vợ chồng ông Th, bà X là 54.372.277 đồng.

[6] Ông T, bà N xác định bà N không liên quan đến khoản nợ này và ông Th cũng thừa nhận khi ông T viết biên nhận và nhận tiền không có mặt bà N, ông Th không có nói cho bà N biết việc ông T vay tiền của ông nên ông không yêu cầu bà N cùng thanh toán nợ. Do đó, không buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên cho vợ chồng ông Th, bà X.

[7] Về lãi suất chậm thi hành án: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Ông T trên 60 tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Tại phiên tòa ông Th có mặt nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà X, bà N vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 463, 466,

468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th về việc yêu cầu ông Diệp Hồng T thanh toán nợ vay. Buộc ông Diệp Hồng T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th, bà Trương Thị X số tiền vay còn nợ tính đến hết ngày 12/01/2023 là 54.372.277 đồng (Năm mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó tiền vốn vay là 50 (Năm mươi) triệu đồng, tiền lãi là 4.372.277 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Kể từ ngày ông Th, bà X có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông T không thanh toán khoản tiền nói trên thì ông T còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông T phải chịu 2.719.000 đồng (Hai triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng, làm tròn số). Ông Th không phải chịu án phí.

4. Ông Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà N, bà X vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Lê Thị Bảo Trâm**

